

## EXPERIENCES IN TEACHING AND LEARNING ENGLISH IN SINGAPORE AND SUGGESTIONS FOR ENGLISH EDUCATION IN VIETNAM

<sup>a</sup>Pham Van Son

<sup>b</sup>Nguyen Thuy Hoa

<sup>a</sup>Ministry of Education and Training (MOET)

Email: pvson@moet.edu.vn

<sup>b</sup>University of Information and Communication  
Technology, Thai Nguyen University

Email: hoant@ictu.edu.vn

### Article History

Received: 10/7/2025

Reviewed: 30/7/2025

Revised: 26/8/2025

Accepted: 23/9/2025

Released: 30/9/2025

DOI:

<https://doi.org/10.64223/tvj.e2025.v1.i3.a40>

<sup>a</sup>ORCID iD:

<https://orcid.org/0009-0001-0241-6494>

<sup>b</sup>ORCID iD:

<https://orcid.org/0009-0006-2575-1937>

*This article analyzes the model of English language teaching in Singapore, a multicultural country with a clear bilingual policy, systematic teacher training, innovative pedagogical approaches and the integration of educational technologies. The paper compares Singapore's success with the current situation in Vietnam, where reforms have been implemented but challenges remain, including regional disparities, uneven teacher quality, a grammar-focused approach, and limited opportunities for authentic language use. Based on these insights, the paper proposes practical recommendations for Vietnam: adopting consistent language policies, standardizing teacher training, leveraging technology, creating diverse learning environments and reforming assessment systems. In the era of digital transformation and global integration, strengthening practical English proficiency has become an urgent demand. Lessons learned from Singapore provide valuable guidance for Vietnam as it seeks to establish English as a second language by 2035.*

**Keywords:** English education; Bilingualism; Singapore; Vietnam; Language policy; Education reform; International integration; Digital transformation.

### 1. Mở đầu

Trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế sâu rộng, tiếng Anh không chỉ còn là một môn học trong nhà trường mà đã trở thành năng lực nền tảng để mỗi quốc gia phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, sẵn sàng tham gia vào nền kinh tế tri thức. Theo báo cáo English Proficiency Index (EF EPI, 2023), Việt Nam đứng thứ 60/113 quốc gia, thuộc nhóm “trung bình”, trong khi Singapore xếp hạng 2 toàn cầu, chỉ sau Hà Lan. Khoảng cách này cho thấy, Việt Nam cần có những bước đi mạnh mẽ hơn trong việc đổi mới dạy và học tiếng Anh nếu muốn nâng cao năng lực cạnh tranh quốc tế.

Tiếng Anh ngày nay là ngôn ngữ của khoa học, công nghệ, ngoại giao, thương mại và đổi mới sáng tạo. UNESCO (2022) đã khẳng định rằng, năng lực ngôn ngữ, đặc biệt là tiếng Anh, là một trong những yếu tố then chốt để hình thành công dân toàn cầu - những cá nhân có khả năng thích ứng, hợp tác và sáng tạo trong môi trường đa văn hóa. OECD (2021) cũng nhấn mạnh kỹ năng tiếng Anh đóng vai trò quan trọng trong phát triển nguồn nhân lực gắn với Cách mạng công nghiệp 4.0, nơi tri thức được truyền tải qua biên giới mà không còn giới hạn ngôn ngữ.

Ở Việt Nam, từ Đề án Ngoại ngữ Quốc gia 2008 - 2020 đến chương trình giáo dục phổ thông 2018, tiếng Anh luôn được xác định là môn học bắt buộc và là năng lực cần thiết. Gần đây, Đề án “Từng bước đưa tiếng Anh trở thành ngôn ngữ thứ hai” giai đoạn 2025 - 2035 đã thể hiện quyết tâm chính trị rõ ràng. Tuy nhiên, thực tế triển khai còn nhiều hạn chế: chênh lệch chất lượng giáo dục giữa các vùng miền, đội ngũ giáo viên chưa đồng đều, học sinh ít có cơ hội sử dụng tiếng Anh ngoài lớp học.

Ngược lại, Singapore - một quốc gia không có tiếng Anh là ngôn ngữ mẹ đẻ - lại thành công trong việc biến tiếng Anh thành ngôn ngữ chung và là công cụ để phát triển đất nước. Từ một quốc gia nhỏ bé, ít tài nguyên, Singapore đã vươn lên trở thành trung tâm tài chính, thương mại, giáo dục của Châu Á. Thành công này có sự đóng góp quan trọng của chính sách ngôn ngữ và hệ thống giáo dục song ngữ.

Bài viết này nhằm phân tích mô hình giáo dục tiếng Anh tại Singapore, chỉ ra các yếu tố tạo nên thành công, so sánh với thực trạng tại Việt Nam và đưa ra những gợi ý thiết thực cho tiến trình cải cách giáo dục ngoại ngữ trong bối cảnh chuyển đổi số và hội nhập quốc tế.

## 2. Mô hình giáo dục song ngữ ở Singapore

### 2.1. Chính sách ngôn ngữ quốc gia rõ ràng và xuyên suốt

Ngay từ năm 1966, Chính phủ Singapore đã ban hành chính sách song ngữ bắt buộc, trong đó tiếng Anh được lựa chọn làm ngôn ngữ chính thức của giáo dục và hành chính, bên cạnh ngôn ngữ mẹ đẻ tương ứng với từng cộng đồng dân tộc (Hoa, Mã Lai, Ấn Độ). Đây là quyết định chiến lược, vừa duy trì bản sắc văn hóa dân tộc, vừa tạo nên công cụ chung để hội nhập quốc tế.

Theo số liệu của Bộ Giáo dục Singapore (2021), khoảng 75% người dân sử dụng tiếng Anh thành thạo và gần 50% gia đình sử dụng tiếng Anh làm ngôn ngữ chính trong sinh hoạt hằng ngày. Chính sách này không chỉ nhằm thống nhất quốc gia đa sắc tộc, mà còn giúp Singapore nhanh chóng kết nối với các nền kinh tế lớn, thu hút đầu tư và mở rộng hợp tác quốc tế.

### 2.2. Tiếng Anh là ngôn ngữ của học thuật và tư duy

Khác với nhiều quốc gia khác, Singapore đã đưa tiếng Anh trở thành ngôn ngữ giảng dạy chính cho các môn học như Toán, Khoa học, Công nghệ, Địa lý. Điều này giúp học sinh hình thành tư duy học thuật bằng tiếng Anh ngay từ nhỏ, từ đó dễ dàng tiếp cận chương trình đào tạo quốc tế và tham gia các kỳ thi chuẩn hóa như IELTS, TOEFL, SAT. Đây cũng là một trong những lý do giúp sinh viên Singapore luôn có vị trí cao trong các bảng xếp hạng học bổng quốc tế.

Việc sử dụng tiếng Anh trong học thuật còn giúp Singapore đào tạo được đội ngũ nhân lực có khả năng làm việc trong môi trường quốc tế, góp phần biến quốc gia này thành trung tâm giáo dục, nghiên cứu và đổi mới sáng tạo hàng đầu khu vực.

### 2.3. Đào tạo giáo viên chuyên sâu

Chất lượng giáo viên được coi là nhân tố quyết định thành công của giáo dục. Singapore đã xây dựng Viện Giáo dục Quốc gia (NIE) - cơ sở đào tạo giáo viên trung tâm, đảm bảo tất cả giáo viên đều trải qua chương trình đào tạo chuẩn hóa, nghiêm ngặt và liên tục được bồi dưỡng.

Giáo viên tiếng Anh không chỉ được trang bị kiến thức ngôn ngữ mà còn được đào tạo về các phương pháp sư phạm hiện đại như CLIL (Content and Language Integrated Learning), TBLT (Task-Based Language Teaching), PBL (Project-Based Learning). Chế độ đãi ngộ tốt và cơ hội thăng tiến rõ ràng cũng giúp giữ chân giáo viên giỏi, tạo sự ổn định và chuyên nghiệp cho hệ thống giáo dục.

### 2.4. Phương pháp dạy học tích cực và ứng dụng công nghệ

Singapore áp dụng các phương pháp dạy học

tích cực nhằm khuyến khích học sinh tham gia, chủ động và sáng tạo. Học sinh được học thông qua trải nghiệm, mô phỏng tình huống thực tế, thảo luận nhóm, tranh biện và làm dự án. Ngoài giờ học, các Câu lạc bộ tiếng Anh, hoạt động ngoại khóa, cuộc thi tranh biện, mô hình Liên hợp quốc giả định cũng tạo môi trường để học sinh thực hành ngôn ngữ.

Bên cạnh đó, công nghệ giáo dục được ứng dụng mạnh mẽ: hệ thống học liệu số hóa, nền tảng trực tuyến, trí tuệ nhân tạo trong đánh giá năng lực, học tập cá nhân hóa. Đặc biệt, trong đại dịch COVID-19, Singapore đã nhanh chóng chuyển đổi sang dạy học trực tuyến mà không làm gián đoạn quá trình giáo dục, cho thấy tính linh hoạt và hiệu quả của hệ thống.

## 3. Thực trạng giáo dục tiếng Anh tại Việt Nam

### 3.1. Nỗ lực cải cách

Trong hơn một thập kỷ qua, Việt Nam đã triển khai nhiều chính sách nhằm cải thiện chất lượng giáo dục tiếng Anh. Đề án Ngoại ngữ Quốc gia 2020 đặt mục tiêu chuẩn hóa trình độ giáo viên và nâng cao năng lực ngoại ngữ của học sinh. Chương trình giáo dục phổ thông 2018 đưa tiếng Anh trở thành môn học bắt buộc từ lớp 3.

Gần đây, Bộ Giáo dục và Đào tạo đã ban hành kế hoạch “Từng bước đưa tiếng Anh trở thành ngôn ngữ thứ hai” giai đoạn 2025 - 2035, tầm nhìn 2045. Đây là định hướng quan trọng, thể hiện quyết tâm nâng cao năng lực ngôn ngữ cho thế hệ trẻ, gắn liền với mục tiêu hội nhập quốc tế.

### 3.2. Những thách thức hiện nay

Mặc dù đã đạt được một số kết quả tích cực, nhưng giáo dục tiếng Anh tại Việt Nam vẫn đối mặt với nhiều thách thức:

- Môi trường sử dụng tiếng Anh hạn chế: phần lớn học sinh chỉ học tiếng Anh trong lớp, thiếu cơ hội thực hành ngoài thực tế.

- Phương pháp giảng dạy truyền thống: còn nặng về ngữ pháp – dịch thuật, ít tạo cơ hội cho học sinh giao tiếp.

- Hệ thống đánh giá chưa toàn diện: các kỳ thi chủ yếu kiểm tra kỹ năng đọc – viết, trong khi kỹ năng nghe – nói chưa được coi trọng đúng mức.

- Đội ngũ giáo viên không đồng đều: chất lượng giáo viên chênh lệch giữa thành thị và nông thôn; nhiều giáo viên chưa đạt chuẩn B2 theo CEFR.

Theo EF EPI (2023), Việt Nam nằm trong nhóm năng lực “trung bình”, xếp sau Singapore, Philippines, Malaysia và Indonesia. Điều này cho thấy, cần có những giải pháp đột phá để nâng cao năng lực tiếng Anh của người học.

## 4. Bài học kinh nghiệm từ Singapore

Từ kinh nghiệm thành công của Singapore, có thể

rút ra một số bài học cho Việt Nam:

Thứ nhất, chính sách rõ ràng, ổn định và lâu dài: Singapore duy trì chính sách song ngữ nhất quán trong nhiều thập kỷ. Việt Nam cần một lộ trình cụ thể, có cam kết chính trị mạnh mẽ và sự đồng bộ từ trung ương đến địa phương.

Thứ hai, tiếng Anh gắn với học thuật và nghề nghiệp: học sinh Singapore học các môn khoa học bằng tiếng Anh, từ đó phát triển tư duy học thuật. Việt Nam có thể triển khai thí điểm mô hình dạy Toán, Khoa học bằng tiếng Anh ở các trường trọng điểm.

Thứ ba, đào tạo giáo viên bài bản: cần thành lập trung tâm đào tạo giáo viên tiếng Anh chất lượng cao theo mô hình NIE; đồng thời, nâng chuẩn đầu ra, có chế độ đãi ngộ tương xứng.

Thứ tư, đổi mới phương pháp dạy học: khuyến khích các phương pháp dạy học tích cực, lấy người học làm trung tâm, tăng cường hoạt động ngoại khóa, Câu lạc bộ, dự án học tập.

Thứ năm, ứng dụng công nghệ giáo dục: phát triển hệ sinh thái học liệu số, áp dụng trí tuệ nhân tạo để hỗ trợ cá nhân hóa lộ trình học.

Thứ sáu, đổi mới kiểm tra - đánh giá: cần chuyển từ kiểm tra ngữ pháp thuần túy sang đánh giá năng lực toàn diện, tích hợp bốn kỹ năng và kỹ năng tư duy phân biệt, hợp tác.

Thứ bảy, liên kết Nhà trường - Doanh nghiệp - Xã hội: tạo cơ hội cho học sinh, sinh viên sử dụng tiếng Anh trong nghiên cứu khoa học, hoạt động văn hóa, thể thao, giao lưu quốc tế.

## 5. Kết luận và kiến nghị

Kinh nghiệm của Singapore đã cho thấy, thành công trong giáo dục tiếng Anh không phải ngẫu nhiên, mà là kết quả của một chiến lược dài hạn, toàn diện và kiên định. Việt Nam đang đứng trước cơ hội lớn để cải cách giáo dục ngoại ngữ, khi nhu cầu hội nhập ngày càng cao và công nghệ số mở ra nhiều khả năng mới.

Để đạt mục tiêu đưa tiếng Anh trở thành ngôn ngữ thứ hai vào năm 2035, Việt Nam cần:

Thứ nhất, ban hành chính sách ngôn ngữ rõ ràng, ổn định và xuyên suốt.

Thứ hai, tăng cường đầu tư cho đào tạo giáo viên và phát triển học liệu số.

Thứ ba, thí điểm và nhân rộng mô hình trường học song ngữ, sử dụng tiếng Anh trong giảng dạy các môn học.

Thứ tư, đổi mới phương pháp dạy học, lấy người học làm trung tâm, gắn với thực tiễn.

Thứ năm, xây dựng hệ thống đánh giá theo chuẩn quốc tế, coi trọng năng lực sử dụng thực tế.

Thứ sáu, khuyến khích xã hội hóa, gắn kết nhà trường với doanh nghiệp, cộng đồng quốc tế.

Trong tầm nhìn đến năm 2045, khi Việt Nam hướng tới trở thành quốc gia phát triển, tiếng Anh cần được xem như năng lực công dân toàn cầu, giúp thế hệ trẻ tự tin hội nhập và sáng tạo. Bài học từ Singapore là minh chứng rõ ràng rằng, với quyết tâm chính trị, chính sách hợp lý và sự đồng thuận xã hội, mục tiêu này hoàn toàn khả thi.

## Tài liệu tham khảo

- Bộ Giáo dục và Đào tạo. (2023). *Chiến lược giáo dục quốc gia đến năm 2035*.
- Bộ Giáo dục và Đào tạo. (2024). *Đề án triển khai tiếng Anh là ngôn ngữ giảng dạy chính đến năm 2035*.
- Đại biểu Nhân dân. (2024, 12 tháng 3). *Từng bước đưa tiếng Anh thành ngôn ngữ giảng dạy chính trong trường học*.
- Goh, C. C. M., & Silver, R. E. (2004). *Language education in Singapore: Policies and practices*. Marshall Cavendish.
- Ministry of Education, Singapore. (2021). *English Language Syllabus 2020 (Primary & Secondary)*.
- National Library Board, Singapore. (2020). *Bilingual policy – Singapore*.
- Nguyễn, T. M. H. (2023). *Dạy và học tiếng Anh hiệu quả: Kinh nghiệm quốc tế cho giáo dục Việt Nam*. Tạp chí Thiết bị Giáo dục, (222), 17 - 20.
- Sellars, M. (2021). *Primary English language education policy in Vietnam's rural primary sector*. Education Sciences, 12(7), 445.
- VietnamPlus. (2024, 28 tháng 2). *Phấn đấu đưa tiếng Anh thành ngôn ngữ giảng dạy chính trong trường học từ năm 2035*.
- VnExpress. (2024, 5 tháng 3). *Dự kiến 100% học sinh học tiếng Anh hiệu quả vào năm 2035*.

**KINH NGHIỆM DẠY VÀ HỌC TIẾNG ANH TẠI SINGAPORE  
VÀ GỢI Ý CHO GIÁO DỤC TIẾNG ANH TẠI VIỆT NAM**

**Phạm Văn Sơn<sup>a</sup>**

**Nguyễn Thúy Hòa<sup>b</sup>**

<sup>a</sup>Bộ Giáo dục và Đào tạo

Email: pvson@moet.edu.vn

<sup>b</sup>Trường Đại học Công nghệ Thông tin  
và Truyền thông, Đại học Thái Nguyên

Email: hoant@ictu.edu.vn

Ngày nhận bài: 10/7/2025

Ngày phản biện: 30/7/2025

Ngày tác giả sửa: 26/8/2025

Ngày duyệt đăng: 23/9/2025

Ngày phát hành: 30/9/2025

DOI:

<https://doi.org/10.64223/tvj.e2025.v1.i3.a40>

<sup>a</sup>ORCID iD:

<https://orcid.org/0009-0001-0241-6494>

<sup>b</sup>ORCID iD:

<https://orcid.org/0009-0006-2575-1937>

**Tóm tắt:**

*Bài viết phân tích mô hình tổ chức dạy và học tiếng Anh tại Singapore - một quốc gia đa văn hóa với chính sách song ngữ rõ ràng, hệ thống đào tạo giáo viên bài bản, phương pháp giảng dạy hiện đại và ứng dụng công nghệ giáo dục rộng rãi. Từ đó, bài viết đối chiếu với thực trạng tại Việt Nam, nơi nhiều cải cách giáo dục ngoại ngữ đã được triển khai nhưng kết quả còn hạn chế do sự chênh lệch vùng miền, đội ngũ giáo viên chưa đồng đều, phương pháp dạy học còn thiên về lý thuyết và môi trường sử dụng ngoại ngữ chưa phong phú. Trên cơ sở đó, tác giả đề xuất một số gợi ý thiết thực nhằm chuẩn hóa đào tạo giáo viên, tăng cường ứng dụng công nghệ, đa dạng hóa môi trường thực hành và đổi mới hệ thống đánh giá năng lực. Trong bối cảnh chuyển đổi số và hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng, kinh nghiệm từ Singapore là nguồn tham khảo quý giá cho Việt Nam trong tiến trình đưa tiếng Anh trở thành ngôn ngữ thứ hai vào năm 2035.*

**Từ khóa:** Giáo dục tiếng Anh; Song ngữ; Singapore; Việt Nam; Chính sách ngôn ngữ; Cải cách giáo dục; Hội nhập quốc tế; Chuyển đổi số.